

PHP trong lập trình web động

Giảng viên:

Ths. Hoàng Anh Đức

- Mobile: 0986999984 / 01222222638

- Email: ducha.hung@gmail.com

Bộ môn Công nghệ phần mềm, Phòng 703, Nhà C12 tầng

Đọc các biến từ HTML

- ✓ `<form>` trong HTML có 2 thuộc tính:
 - `action="chuỗi"`: Địa chỉ trang web nhận dữ liệu (Đặt là địa chỉ trang PHP xử lý DL)
 - `method="chuỗi"`: Phương thức gửi dữ liệu
 - GET (mặc định)
 - POST



Phương thức GET (URL)

- ✓ Truyền dữ liệu (biến) qua URL:
 - Các biến được truyền thành từng cặp `biến=giá_trị` phân cách bởi dấu &
 - Phân cách với địa chỉ trang ban đầu bởi dấu hỏi chấm (?)

Ví dụ: Truyền 3 biến a, b, c có giá trị lần lượt là 1, 2, -3 vào trang

<http://localhost/test1.php> qua URL:

<http://localhost/test1.php?a=1&b=2&c=-3>



Phương thức GET hoặc URL (tt)

- ✓ Khi ta Submit 1 form sử dụng phương thức GET, dữ liệu được truyền qua URL:
 - Tên các biến là tên đối tượng trên form
 - Giá trị biến là giá trị NSD nhập vào đối tượng
- ✓ Để đọc giá trị các biến trong PHP: Sử dụng mảng **\$_GET**, các chỉ số là tên biến.
- ✓ Ví dụ: Trong trang test1.php ở trên đọc các biến a, b, c:

```
$a = $_GET["a"];
```

```
$b = $_GET["b"];
```

```
$c = $_GET["c"];
```



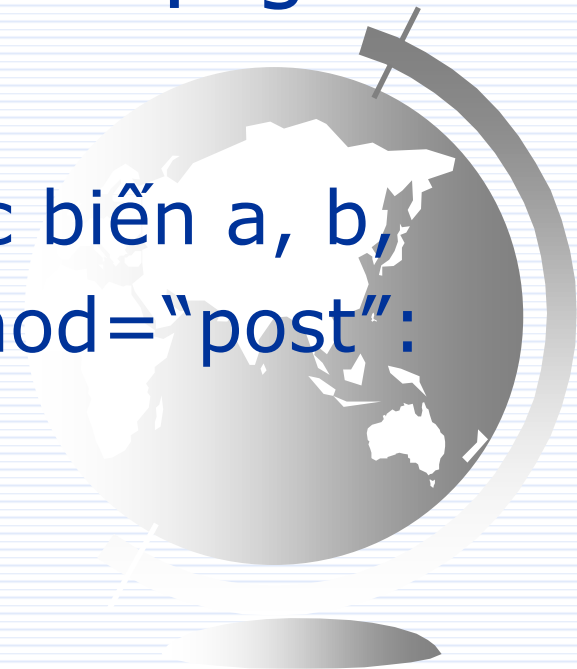
Truyền dữ liệu theo phương thức POST

- ✓ Dữ liệu của Form post được truyền trong thân của yêu cầu HTTP
- ✓ Để đọc dữ liệu sử dụng mảng **`$_POST`** với các chỉ số là tên của đối tượng trên form gửi đến.
- ✓ Ví dụ: Trong trang php đọc các biến a, b, c được submit từ form có method="post":

```
$a = $_POST["a"];
```

```
$b = $_POST["b"];
```


```
$c = $_POST["c"];
```



Nhận dữ liệu từ form

- ✓ Khi không quan tâm đến việc Form gửi dữ liệu đi có method là gì, ta sử dụng REQUEST để lấy dữ liệu.
- ✓ Khi đó ta sử dụng mảng `$_REQUEST` để lấy dữ liệu.
- ✓ Ví dụ: `$a = $_REQUEST['a'];`





Session

Khái niệm

- ✓ Cơ chế hoạt động của ứng dụng web là cơ chế làm việc theo từng phiên giao dịch
- ✓ Khi mở 2 trang web khác nhau trên một website, trình duyệt không xác định được 2 trang web này được mở từ 1 người dùng

=> Sử dụng SESSION để lưu phiên làm việc của 1 người dùng



Sử dụng SESSION (cách 1)

(đặt register_global = ON trong php.ini) //Short Style

✓ Khởi động Session:

`session_start();` //đặt ở đầu file, trước khi viết mã HTML

✓ Đăng ký biến Session:

– `session_register(chuỗi_tên_biến);`

✓ Sử dụng biến Session:

– `$chuỗi_tên_biến`

✓ Hủy biến Session:

– `session_unregister(chuỗi_tên_biến);` //Hủy 1 biến

– `session_unset();` //Hủy các biến đang hiệu lực

– `session_destroy();` //Hủy toàn bộ



Sử dụng SESSION

(Đặt register_global = OFF trong php.ini)

✓ Khởi động Session:

```
session_start(); //đặt ở đầu file, trước khi viết mã HTML
```

✓ Đăng ký và sử dụng biến Session:

- \$_SESSION['chuỗi_tên_biến'];
- \$_HTTP_SESSION_VARS['chuỗi_tên_biến'];

✓ Hủy biến Session:

- unset(\$_SESSION['chuỗi_tên_biến']); //Hủy 1 biến
- session_destroy(); //Hủy toàn bộ



PHP & MySQL

Giảng viên:

Ths. Hoàng Anh Đức

- Mobile: 0986999984 / 01222222638

- Email: ducha.hung@gmail.com

Bộ môn Công nghệ phần mềm, Phòng 703, Nhà C12 tầng


Các bước truy cập CSDL MySQL

1. Tạo kết nối và lựa chọn CSDL
2. Xây dựng truy vấn và thực hiện truy vấn
3. Xử lý kết quả trả về
4. Đóng kết nối đến server



Bước 1: Tạo kết nối đến máy chủ, CSDL

```
$con=mysqli_connect("máy_chủ","tên","mật_k  
hẩu","CSDL");  
// Kiểm tra kết nối MySQL Improved  
if (mysqli_connect_errno($con)) {  
    echo "Không thể kết nối đến CSDL: "  
    mysqli_connect_error($con);  
}  
//Hàm mysqli_connect_errno($con) hiển thị lỗi  
gặp phải khi thi hành lệnh với $con. Trường  
hợp sử dụng lệnh để tạo CSDL thì không có  
tên CSDL ở tham số thứ 4
```



Bước 2: Xây dựng và thực hiện truy vấn

```
mysqli_query($Biến_kết_nối, "Lệnh SQL")  
or die("Không thực hiện được SQL");
```

Ví dụ:

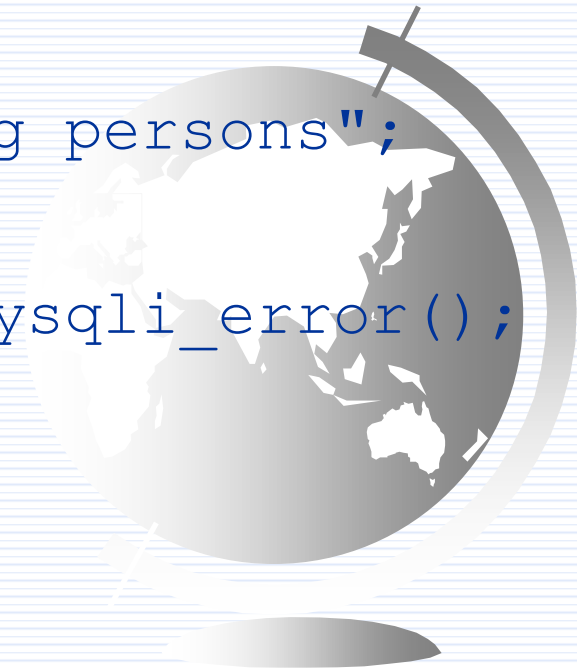
```
$sql="CREATE DATABASE test_db";  
if (mysqli_query($con,$sql)) {  
    echo "CSDL test_db đã được tạo";  
}else{  
    echo "Lỗi khi tạo  
CSDL:".mysqli_error($con);  
}
```



Bước 2: Xây dựng và thực hiện truy vấn

Ví dụ - tiếp:

```
$sql="CREATE TABLE persons(Firstname  
    CHAR(30),Lastname CHAR(30),Age INT)";  
// Xử lý câu lệnh  
if (mysqli_query($con,$sql)) {  
    echo "Đã tạo thành công bảng persons";  
}else{  
    echo "Lỗi khi tạo bảng:". mysqli_error();  
}
```



Bước 2: Xây dựng và thực hiện truy vấn

Ví dụ - tiếp:

```
$Ten = Array('Van A', 'Thu B', 'Thi C', 'Anh D');  
$Ho = Array('Nguyen', 'Tran', 'Bui', 'Hoang');  
for($i=1;$i<10;$i++){  
    $sql = "INSERT INTO Persons (Firstname,  
        Lastname, Age) VALUES  
        ('".$Ten[array_rand($Ten,1)]."',  
        '".$Ho[array_rand($Ho,1)]."',".rand(17,30).  
        ")";  
    mysqli_query($con, $sql);  
    //Hàm array_rand(x,y) trả về y (bất kỳ) chỉ số  
    của mảng x.
```



Bước 2: Xây dựng và thực hiện truy vấn

Ví dụ - tiếp:

```
$result = mysqli_query($con, "SELECT * FROM  
Persons");
```



Bước 3: Xử lý kết quả trả về

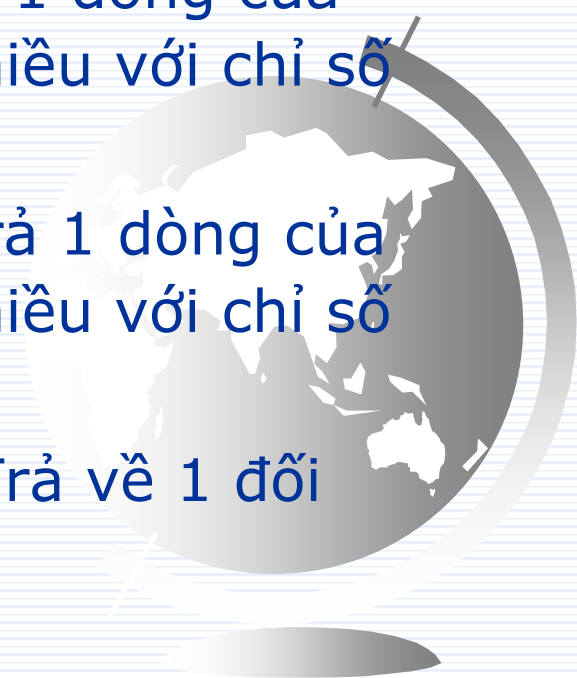
- ✓ Các hàm cần thiết (*trong trường hợp câu lệnh SQL là DELETE, UPDATE...*):
 - `mysqli_affected_rows()`: Số bản ghi bị tác động bởi lệnh `mysqli_query` liền trước.
 - `mysqli_error()`: Thông báo lỗi (nếu có)
 - `mysqli_errno()`: Mã lỗi



Bước 3 (tiếp)

✓ Các hàm cần thiết (*trong trường hợp câu lệnh SQL là SELECT*):

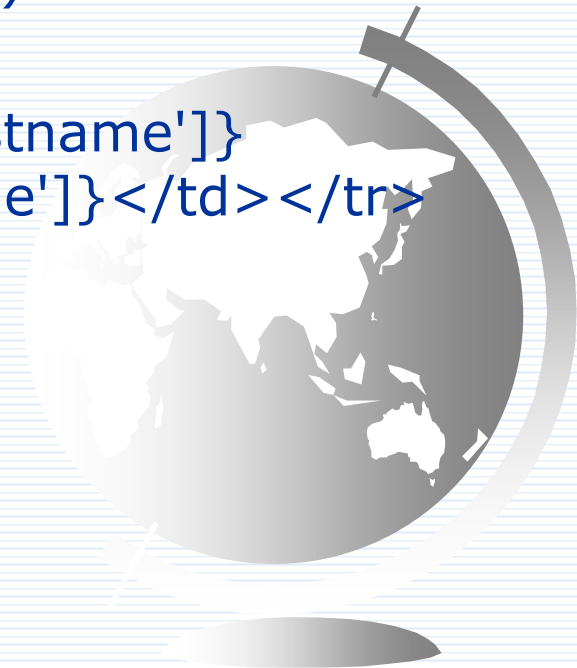
- `mysqli_num_rows($biến)`: Số lượng bản ghi (dòng, hàng) trong \$biến
- `$r = mysqli_fetch_row($biến)`: Trả 1 dòng của \$biến vào \$r (dưới dạng mảng 1 chiều với chỉ số là số thứ tự)
- `$r = mysqli_fetch_array($biến)`: Trả 1 dòng của \$biến vào \$r (dưới dạng mảng 1 chiều với chỉ số là tên cột hoặc số thứ tự)
- `$r = mysqli_fetch_object($biến)`: Trả về 1 đối tượng



Bước 3 (tiếp)

Ví dụ:

```
$result = mysqli_query($con,"SELECT * FROM Persons");  
echo "<table border = '1'><tr><th>STT</th><th>Ho va  
    ten</th><th>Tuoi</th></tr>";  
$i=1;  
while($row = mysqli_fetch_array($result))  
{  
    echo "<tr><td>{$i}</td><td>{$row['Lastname']}  
        {$row['Firstname']}</td><td>{$row['Age']}</td></tr>  
    ";  
    $i++;  
}
```



Bước 4: Đóng kết nối đến server và hủy các biến có liên quan

```
mysqli_close($biến_kết_nối);
```

Hoặc

```
unset($biến_kết_nối);
```

```
unset($biến_đã_tạo);
```

